TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **305**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/5/2018
V/v "*Ly hôn*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Triết
- Các hội thẩm nhân dân : 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên
2. Ông Dương Văn Hai
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 719/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phạm Thị N, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Số nhà 73/1, ấp AN, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Huỳnh Quang V, sinh năm 1992. Đăng ký thường trú: T, xã TS, huyện TP, tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: ấp TA, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ - nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị N và anh Huỳnh Quang V cưới nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Qui và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/10/2015, trong thời gian sống chung có 01 người con chung tên Huỳnh Thị Anh T, sinh ngày 20/10/2016. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và hiện nay đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị N yêu cầu về hôn nhân xin được ly hôn với anh Huỳnh Quang V. Về con chung: chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Thị Anh T, sinh ngày 20/10/2016 và không yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Quang V vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng anh V đã trình bày:

Anh V thống nhất với chị Phạm Thị N về thời gian cưới nhau, kết hôn, con chung, nguyên nhân mất hạnh phúc và quá trình ly thân nhưng anh còn thương chị N nên anh V không đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị N. Về con chung: nếu có ly hôn thì anh V đồng ý để chị N được trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Thị Anh T, sinh ngày 20/10/2016 và không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình trong quá trình tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã vi phạm không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Huỳnh Quang V. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do hai bên không yêu cầu nên không xem xét. Về con chung: Huỳnh Thị Anh T, sinh ngày 20/10/2016 hai bên thống nhất giao con chung cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, hai bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị N yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Quang V, do bị đơn sinh sống tại huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thụ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị N không có mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Huỳnh Quang V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh V vẫn không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Do đó căn cứ vào các Điều

227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Chị Phạm Thị N và anh Huỳnh Quang V cưới nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Qui vào năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân, trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời quá trình giải quyết Tòa án thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh V thì được địa phương xác nhận tình trạng hôn nhân hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống và sinh hoạt. Xác định chị N và anh V đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở phù hợp tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Huỳnh Quang V.

[4] Xét về con chung: Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Thị Anh T, sinh ngày 20/10/2016 và anh V cũng đồng ý giao con chung cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử Quyết định giao con chung cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng và anh V không cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét. Về nợ chung: hai bên trình bày không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét nên được chấp nhận.

[7] Chị Phạm Thị N phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N. Cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Huỳnh Quang V. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do hai bên không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về con chung: Chị Phạm Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Thị Anh T, sinh ngày 20/10/2016. Anh Huỳnh Quang V không cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về nợ chung: hai bên trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0014173 ngày 08/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Như vậy án phí chị N đã nộp xong.

Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã AQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết